

NGOẠI NGỮ – ĐÒN BẦY CHIẾN LƯỢC CHO HÀNH TRÌNH VƯƠN MÌNH CỦA ĐẤT NƯỚC

FOREIGN LANGUAGES – A STRATEGIC LEVER FOR THE NATION’S RISE ON THE GLOBAL STAGE

Nguyễn Văn Long*

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam¹

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: nvlong@ufl.udn.vn

(Nhận bài / Received: 15/6/2025; Sửa bài / Revised: 10/7/2025; Chấp nhận đăng / Accepted: 11/8/2025)

DOI: 10.31130/ud-jst.2025.23(8B).431

Tóm tắt - Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, ngoại ngữ giữ vai trò chiến lược trong phát triển kinh tế – xã hội và nâng cao vị thế quốc gia. Bài báo phân tích vai trò đa chiều của ngoại ngữ, từ ngoại giao, đàm phán các hiệp định thương mại, đến hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và tăng cường năng lực cạnh tranh nguồn nhân lực trong kỷ nguyên công nghiệp 4.0. Đồng thời, nghiên cứu đánh giá chính sách giáo dục ngoại ngữ, chỉ ra các thách thức như chênh lệch vùng miền, phương pháp giảng dạy hạn chế và việc ứng dụng công nghệ chưa đồng bộ. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất các giải pháp toàn diện, nhấn mạnh sự phối hợp giữa Nhà nước, cơ sở giáo dục và toàn xã hội nhằm phát huy tối đa giá trị của ngoại ngữ, đưa Việt Nam chủ động và vững vàng hội nhập toàn cầu.

Từ khóa - Chính sách giáo dục ngoại ngữ; Hội nhập quốc tế; Nguồn nhân lực chất lượng cao; Cách mạng công nghiệp 4.0; Phát triển bền vững

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng, ngoại ngữ giữ vai trò chiến lược giúp quốc gia nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh quốc tế. Đối với Việt Nam, phát triển năng lực ngoại ngữ không chỉ là nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục mà còn là đòn bẩy thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo vệ an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và giao lưu nhân dân. [1], [2]. Trong kỷ nguyên đổi mới sáng tạo, ngoại ngữ trở thành yếu tố cốt lõi hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước [3].

Bài viết nhằm phân tích vai trò của ngoại ngữ trong tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, đánh giá chính sách phát triển giáo dục ngoại ngữ, và đề xuất giải pháp nâng cao năng lực ngoại ngữ quốc gia. Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp phân tích - tổng hợp tài liệu thứ cấp, kết hợp đối chiếu với số liệu thống kê quốc tế và quốc gia về năng lực ngoại ngữ.

2. Tổng quan nghiên cứu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, ngoại ngữ – đặc biệt là tiếng Anh – đã khẳng định vai trò thiết yếu như một “ngôn ngữ cầu nối” trong giáo dục, kinh tế, ngoại giao và công nghệ. Tại Việt Nam, việc dạy và học ngoại

Abstract - Amid deepening globalization and international integration, foreign languages play a strategic role in socio-economic development and in elevating national standing. This paper analyzes the multifaceted functions of foreign languages, from diplomacy and trade agreement negotiations to supporting Vietnamese enterprises’ participation in global value chains and strengthening workforce competitiveness in the era of the Fourth Industrial Revolution. It also evaluates foreign-language education policies, identifying persistent challenges such as regional disparities, limitations in pedagogical practice, and uneven technology adoption. On this basis, the paper proposes comprehensive solutions that emphasize coordinated efforts among the government, educational institutions, and society at large to maximize the value of foreign languages, enabling Vietnam to integrate proactively and confidently into the global arena.

Key words - Foreign language education policy; International integration; High-quality human resources; Fourth Industrial Revolution; Sustainable development

ngữ được Nhà nước chú trọng từ sau Đổi mới 1986, với nhiều chính sách quan trọng nhằm nâng cao năng lực hội nhập quốc tế [4].

Trên phương diện cá nhân, năng lực ngoại ngữ của người học phụ thuộc đáng kể vào phương pháp học tập, động lực và mức độ tự chủ. Nghiên cứu của Duong và Nguyen trên 2.500 sinh viên đại học cho thấy khả năng tự học và thái độ học tích cực là hai yếu tố nội sinh quan trọng giúp cải thiện kết quả học tập tiếng Anh. Kết quả cũng chỉ ra rằng phần lớn sinh viên có mức độ sẵn sàng cao trong việc học tự chủ, đặc biệt khi có môi trường học tập hỗ trợ [5].

Ở cấp trung học phổ thông, nghiên cứu của Huynh với 76 học sinh tại TP. Hồ Chí Minh đã phát hiện mối tương quan tích cực giữa động lực học ngoại ngữ và việc sử dụng chiến lược học tập hiệu quả. Học sinh có động lực hướng đến thành công học thuật hoặc du học có xu hướng sử dụng nhiều kỹ thuật ghi nhớ, luyện tập và giao tiếp hơn so với học sinh không có định hướng rõ ràng [6].

Tuy nhiên, nhiều rào cản tâm lý vẫn tồn tại, đặc biệt là lo âu khi sử dụng tiếng Anh. Nghiên cứu của Ho và Truong tại một đại học công lập cho thấy lo lắng khi nói tiếng Anh (speaking anxiety) là một trở ngại nghiêm trọng đối với sinh viên không chuyên ngữ. Tâm lý sợ sai, sợ bị đánh giá và thiếu tự tin khiến sinh viên ngại phát biểu, làm hạn chế

¹ The University of Danang - University of Foreign Language Studies, Vietnam (Nguyen Van Long)

cơ hội thực hành kỹ năng giao tiếp - một yếu tố cốt lõi trong hội nhập [7].

Ở góc độ giáo viên và quản lý giáo dục, Lê và cộng sự khảo sát 33 giáo viên tại ba trường THPT ở TP. Hồ Chí Minh và phát hiện rằng các yếu tố từ phía người học – như khả năng từ vựng hạn chế, thiếu tự học và động lực thấp – có ảnh hưởng lớn hơn các yếu tố phương pháp hay chương trình học. Điều này cho thấy cải cách giáo dục ngoại ngữ không thể chỉ dừng ở chương trình và sách giáo khoa, mà cần hướng đến việc phát triển năng lực học tập suốt đời và tâm thế hội nhập cho học sinh [8].

Từ góc nhìn ngôn ngữ học ứng dụng, Chan và cộng sự cho thấy, người học tiếng Anh ở Việt Nam gặp nhiều khó khăn trong sử dụng giới từ – một cấu trúc cơ bản nhưng có tính chất phức tạp về ngữ nghĩa và ngữ cảnh. Đây là biểu hiện cụ thể cho thấy khoảng cách về năng lực ngôn ngữ giữa người học Việt Nam và yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động toàn cầu [9].

Nhìn chung, tổng thể các nghiên cứu trong và ngoài nước đều thống nhất rằng nâng cao năng lực ngoại ngữ đòi hỏi một hệ sinh thái giáo dục toàn diện: bao gồm chính sách hiệu quả, chương trình phù hợp, đội ngũ giáo viên chất lượng và đặc biệt là phát triển động lực học tập và năng lực tự chủ cho người học [4] - [6]. Trong bối cảnh đất nước “vươn mình” mạnh mẽ, ngoại ngữ cần được định vị không chỉ là một môn học mà là công cụ sống còn trong phát triển nhân lực chất lượng cao và hội nhập toàn diện [7].

3. Ngoại ngữ và sự hội nhập quốc tế của Việt Nam

Tiến trình hội nhập quốc tế tất yếu đòi hỏi năng lực giao tiếp đa ngôn ngữ như một năng lực nền tảng không thể thiếu. Trong đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam, ngoại ngữ luôn được xác định là công cụ chiến lược, góp phần củng cố và mở rộng quan hệ ngoại giao, đồng thời thúc đẩy hợp tác quốc tế trên nhiều lĩnh vực. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh rằng trình độ ngoại ngữ ưu việt của đội ngũ ngoại giao Việt Nam đã đóng góp quan trọng vào việc khẳng định vị thế, nâng cao uy tín quốc gia tại các diễn đàn khu vực và toàn cầu. Hơn thế nữa, năng lực ngoại ngữ vững chắc còn mở ra những tiền đề thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam chủ động tham gia sâu rộng vào chuỗi giá trị toàn cầu, từ đó đẩy mạnh thương mại, thu hút đầu tư và tiếp nhận hiệu quả các thành tựu công nghệ tiên tiến [10].

3.1. Quyết định chiến lược của Chính phủ trong phát triển năng lực ngoại ngữ

Chính phủ đã thể hiện tầm nhìn chiến lược về vai trò trọng yếu của ngoại ngữ trong tiến trình hội nhập quốc tế thông qua việc ban hành hàng loạt chủ trương, chính sách và đề án chuyên biệt. Trọng tâm của các quyết sách này là nâng cao năng lực ngoại ngữ cho lực lượng lao động, đồng thời cải thiện chất lượng giảng dạy trong toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân. Tiêu biểu là Quyết định số 1400/QĐ-TTg năm 2008 phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2008–2020”, đặt mục tiêu đa số thanh niên tốt nghiệp có thể tự tin sử dụng ngoại ngữ trong học tập, lao động và giao tiếp toàn cầu; trong đó, tiếng Anh được coi là công cụ then chốt để thế hệ trẻ hội nhập hiệu quả và đóng góp tích cực cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước [11].

Tiếp nối thành tựu, Quyết định số 2080/QĐ-TTg năm 2017 mở rộng phạm vi và mục tiêu cho giai đoạn 2017–2025, chú trọng xây dựng môi trường học ngoại ngữ toàn diện, phổ cập từ giáo dục phổ thông tới giáo dục nghề nghiệp và bậc đại học [12]. Việc ứng dụng công nghệ số, phát triển hệ thống học liệu điện tử và thúc đẩy hợp tác quốc tế được đặc biệt đề cao nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và bảo đảm tính liên thông toàn cầu [12]. Kết luận số 91-KL/TW (2024) tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường, đồng thời khuyến khích thu hút chuyên gia quốc tế, giảng viên Việt kiều, mở rộng các phân hiệu đại học quốc tế và quảng bá tiếng Việt ra thế giới, hướng tới mục tiêu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập sâu rộng [14].

3.2. Ngoại ngữ – Công cụ chiến lược trong chính sách đối ngoại

Ng ngoại ngữ giữ vị trí trọng tâm trong chiến lược hội nhập quốc tế của Việt Nam, nổi bật qua ba phương diện thiết yếu. Trước hết, tại các diễn đàn quốc tế như ASEAN, APEC hay Liên Hợp Quốc, năng lực ngoại ngữ thành thạo của đội ngũ ngoại giao đã góp phần xây dựng hình ảnh quốc gia năng động, trách nhiệm và có tiếng nói [15]. Trong những năm gần đây, Việt Nam tích cực tham gia Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) và Diễn đàn Tương lai ASEAN, nơi ngoại ngữ không chỉ là công cụ truyền đạt quan điểm mà còn là phương tiện khẳng định vai trò và thúc đẩy hợp tác đa phương. Việc chủ động tham gia các cơ chế đối thoại đòi hỏi năng lực ngoại ngữ vững vàng để bảo vệ lợi ích quốc gia, đàm phán hiệu quả và tận dụng cơ hội phát triển.

Tiếp theo, ngoại ngữ đóng vai trò then chốt trong quá trình đàm phán, ký kết và thực thi các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương, điển hình như VN-EAEU FTA, CPTPP và RCEP. Sự am hiểu và khả năng vận dụng ngoại ngữ chuyên sâu giúp các nhà đàm phán Việt Nam nắm bắt, phân tích và truyền đạt chính xác các điều khoản pháp lý, kỹ thuật phức tạp, qua đó bảo vệ tối đa lợi ích quốc gia và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nội địa hội nhập vào mạng lưới kinh tế toàn cầu.

Cuối cùng, ngoại ngữ là cầu nối quan trọng trong ngoại giao nhân dân, thúc đẩy giao lưu văn hóa, giáo dục và phát triển du lịch. Các chương trình trao đổi sinh viên như Erasmus+, học bổng Chevening, Fulbright, DAAD, cùng các dự án nghiên cứu chung đã mở rộng cơ hội tiếp cận tri thức hiện đại và kỹ năng toàn cầu cho thế hệ trẻ Việt Nam. Bên cạnh đó, các sự kiện văn hóa quốc tế và hoạt động du lịch được hỗ trợ bởi năng lực ngoại ngữ đã và đang góp phần quảng bá hình ảnh Việt Nam thân thiện, giàu bản sắc, đồng thời củng cố tình hữu nghị và sự hiểu biết giữa các dân tộc.

3.3. Ngoại ngữ – Động lực thúc đẩy doanh nghiệp hội nhập chuỗi giá trị toàn cầu

Ng ngoại ngữ không chỉ là phương tiện giao tiếp mà còn là động lực thiết yếu giúp doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu và mở rộng hoạt động kinh doanh quốc tế trên ba phương diện quan trọng. Trước hết, khả năng ngoại ngữ tốt giúp doanh nghiệp tiếp cận thị trường xuất khẩu rộng lớn, đặc biệt trong các ngành mũi nhọn như dệt may, thủy sản và điện tử, nơi yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn kỹ thuật và pháp lý của đối tác nước ngoài. Sự thành thạo ngoại ngữ thể hiện tính chuyên

ng nghiệp, nâng cao năng lực đàm phán và khả năng thu hút đơn hàng, từ đó mở rộng mạng lưới phân phối toàn cầu. Tiếp theo, ngoại ngữ đóng vai trò cầu nối quan trọng trong tiếp nhận và triển khai công nghệ tiên tiến. Doanh nghiệp cần đội ngũ nhân sự có năng lực ngoại ngữ vững vàng để làm việc trực tiếp với chuyên gia quốc tế trong các dự án FDI, nhất là ở lĩnh vực công nghệ cao như sản xuất vi mạch và năng lượng tái tạo, qua đó nâng cao hiệu quả chuyển giao công nghệ và quản trị kỹ thuật. Cuối cùng, ngoại ngữ góp phần thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp mang tầm quốc tế. Các doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ toàn cầu cần ngoại ngữ để tham gia chương trình tăng tốc, gọi vốn đầu tư và thiết lập quan hệ hợp tác, khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế đầy cạnh tranh.

Tóm lại, ngoại ngữ, với tư cách là chiếc cầu nối tri thức và giao lưu văn hóa, đã và đang khẳng định vị thế như một thành tố thiết yếu trong chiến lược hội nhập quốc tế của Việt Nam. Việc đầu tư có định hướng, bài bản và bền vững cho phát triển năng lực ngoại ngữ không chỉ góp phần nâng cao vị thế và uy tín quốc gia trên trường quốc tế mà còn tạo động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội và hội nhập sâu rộng. Để hiện thực hóa mục tiêu đó, cần thiết có sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa các cấp quản lý nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp và mỗi cá nhân, nhằm phát huy tối đa tiềm năng của ngoại ngữ như một đòn bẩy chiến lược, đưa Việt Nam phát triển vững mạnh và chủ động hội nhập trong kỷ nguyên toàn cầu hóa đầy biến động.

4. Giáo dục ngoại ngữ và phát triển nguồn nhân lực

Trong kỷ nguyên cách mạng công nghiệp 4.0, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao với năng lực ngoại ngữ vượt trội là nhiệm vụ cấp thiết. Giáo dục ngoại ngữ không chỉ nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn mở rộng cơ hội nghề nghiệp, cải thiện năng suất lao động và tăng khả năng tiếp cận tri thức toàn cầu. Như Giáo sư Tô Lâm từng khẳng định, ngoại ngữ chính là “cửa ngõ tri thức” giúp Việt Nam làm chủ công nghệ hiện đại, đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập sâu rộng [16].

4.1. Vai trò của giáo dục ngoại ngữ trong cách mạng công nghiệp 4.0

Trong kỷ nguyên cách mạng công nghiệp 4.0, ngoại ngữ tại Việt Nam đã vượt xa vai trò một kỹ năng giao tiếp đơn thuần, trở thành chìa khóa để lực lượng lao động tiếp cận công nghệ tiên tiến, tri thức toàn cầu và tiêu chuẩn quản trị hiện đại. Cách mạng 4.0 đặt ra ba yêu cầu chính: trước hết, người lao động phải thành thạo ngoại ngữ để khai thác các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, dữ liệu lớn, vốn chủ yếu phát triển bằng tiếng Anh. hoặc các ngôn ngữ phổ biến. Thứ hai, ngoại ngữ là điều kiện để thích ứng hiệu quả trong môi trường đa quốc gia, xử lý thông tin phức tạp và tham gia dự án quốc tế. Thứ ba, kỹ năng ngoại ngữ hỗ trợ phát triển các năng lực mềm như thuyết trình, làm việc nhóm xuyên văn hóa và năng lực lãnh đạo, giúp nguồn nhân lực Việt Nam tự tin cạnh tranh toàn cầu [17]**Error! Reference source not found..** Việc đầu tư có chiến lược vào giáo dục ngoại ngữ chính là chìa khóa để Việt Nam tận dụng thời cơ, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và khẳng định vị thế trong bối cảnh toàn cầu hóa

ngày càng sâu rộng.

4.2. Vai trò của ứng dụng công nghệ trong giáo dục ngoại ngữ

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong giảng dạy ngoại ngữ không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là giải pháp đột phá nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Công nghệ giúp cá nhân hóa quá trình học, tăng cường tương tác, và mở rộng khả năng tiếp cận tri thức toàn cầu cho người học ở mọi vùng miền.

Các nền tảng học tập trực tuyến như Duolingo, Grammarly, Coursera, FutureLearn, hay các hệ thống quản lý học tập (LMS) như Moodle, Canvas... đã được triển khai tại nhiều cơ sở giáo dục trên toàn quốc. Ngoài ra, công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) đã bắt đầu được tích hợp vào các ứng dụng học tiếng Anh với chức năng nhận diện phát âm, đánh giá kỹ năng và cung cấp nội dung tùy biến theo trình độ người học. Điều này đặc biệt hữu ích đối với học sinh ở khu vực nông thôn, nơi thiếu giáo viên chuyên môn hoặc tài nguyên học liệu chất lượng.

Tuy nhiên, hiệu quả của ứng dụng công nghệ trong giáo dục ngoại ngữ còn phụ thuộc vào mức độ sẵn sàng về hạ tầng kỹ thuật, năng lực số của giáo viên, và thói quen học tập của học sinh. Để đánh giá tác động của các chính sách và nỗ lực đổi mới trong lĩnh vực này, chỉ số năng lực tiếng Anh quốc gia có thể được xem là một trong những chỉ báo phản ánh trình độ và xu hướng cải thiện năng lực ngôn ngữ trong dân số.

Mặc dù, Việt Nam đã có nhiều chính sách cải thiện chất lượng dạy - học tiếng Anh, chỉ số năng lực tiếng Anh quốc gia vẫn cho thấy những biến động và chưa đạt mức cao. Dữ liệu từ EF được trình bày trong Bảng 1 phản ánh điều này [18].

Bảng 1. Chỉ số năng lực tiếng Anh của Việt Nam giai đoạn 2018–2024 [18]

Năm	Hạng toàn cầu	Điểm EPI	Phân loại
2018	41	51.57	Trung bình cao
2019	52	51.57	Trung bình
2020	65	473	Thấp
2021	66	486	Trung bình
2022	60	505	Trung bình
2023	58	505	Trung bình
2024	63	498	Thấp

Dữ liệu từ bảng cho thấy, năng lực tiếng Anh của Việt Nam trong giai đoạn 2018–2024 có xu hướng dao động nhẹ và phục hồi sau mức sụt giảm đáng kể vào năm 2020, có thể do tác động của đại dịch COVID-19 và gián đoạn trong việc học trực tiếp. Từ năm 2021 trở đi, điểm số EPI của Việt Nam dần phục hồi và giữ ổn định ở mức 505 điểm, tuy nhiên vẫn nằm trong nhóm “trình độ trung bình” so với các nước trong khu vực.

Việc không có sự cải thiện đáng kể về xếp hạng toàn cầu trong ba năm gần nhất (2021–2023) cho thấy rằng, mặc dù Việt Nam đã có những chính sách thúc đẩy ứng dụng công nghệ trong dạy học ngoại ngữ, nhưng kết quả thực tế vẫn chưa đạt kỳ vọng. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về:

- Đầu tư mạnh mẽ hơn cho hạ tầng kỹ thuật và công cụ

học tập số;

- Đào tạo năng lực công nghệ thông tin và phương pháp số cho giáo viên ngoại ngữ;

- Thiết kế chương trình học kết hợp linh hoạt (blended learning) gắn với đánh giá định kỳ bằng công nghệ.

Tóm lại, việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ không chỉ giúp nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ mà còn góp phần cải thiện vị trí của Việt Nam trên bản đồ ngôn ngữ toàn cầu, qua đó đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong kỷ nguyên hội nhập sâu rộng.

4.3. Giáo dục ngoại ngữ và năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực Việt Nam

Ngoại ngữ giữ vai trò then chốt trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực Việt Nam, thể hiện ở ba phương diện cơ bản. Trước hết, năng lực ngoại ngữ tốt giúp người lao động tiếp cận dễ dàng các tài liệu quốc tế, giao tiếp hiệu quả với đối tác nước ngoài, từ đó tăng năng suất làm việc và chất lượng sản phẩm. Thứ hai, ngoại ngữ mở rộng cơ hội nghề nghiệp, nhất là trong các tập đoàn đa quốc gia thường ưu tiên tuyển dụng nhân sự thành thạo tiếng Anh để đảm nhận các vị trí quản lý, chuyên gia hoặc kỹ sư công nghệ. Năng lực ngoại ngữ vững vàng cũng là lợi thế để tham gia các dự án quốc tế, nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường lao động toàn cầu. Cuối cùng, ngoại ngữ hỗ trợ khả năng tiếp thu nhanh tri thức mới, giúp người lao động Việt Nam chủ động cập nhật các xu hướng công nghệ, công trình nghiên cứu và khóa học từ các nền tảng quốc tế như Coursera hay edX. Đây là yếu tố quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

5. Một số giải pháp khuyến nghị

Mặc dù, đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong giáo dục ngoại ngữ, Việt Nam vẫn phải đối diện với nhiều thách thức cần được giải quyết để nâng cao chất lượng dạy và học. Sự chênh lệch về điều kiện đào tạo giữa các vùng miền, đặc biệt ở khu vực nông thôn và miền núi, khiến năng lực ngoại ngữ của học sinh còn nhiều bất cập so với thành thị. Đội ngũ giáo viên chưa đáp ứng đủ cả về số lượng lẫn chất lượng; phương pháp giảng dạy truyền thống, thiếu tính đổi mới và tương tác, chưa theo kịp xu thế giảng dạy ngoại ngữ hiện đại [20], dẫn đến hiệu quả tiếp thu của người học còn hạn chế. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, dù đã được khuyến khích, song chưa được triển khai đồng bộ; nhiều trường học chưa khai thác hiệu quả các nền tảng học trực tuyến hay phần mềm hỗ trợ để tạo ra môi trường học tập đa dạng và hấp dẫn. Để khắc phục các bất cập này, cần đầu tư mạnh mẽ cho chương trình đào tạo giáo viên đạt chuẩn quốc tế, đổi mới phương pháp giảng dạy gắn với công nghệ số, mở rộng các chính sách ưu tiên cho vùng khó khăn và đẩy mạnh hợp tác quốc tế, từ đó tạo ra những đột phá bền vững trong giáo dục ngoại ngữ. Cụ thể:

5.1. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên ngoại ngữ

Giáo viên ngoại ngữ giữ vai trò then chốt trong việc triển khai hiệu quả các chương trình giảng dạy, tác động trực tiếp đến chất lượng đào tạo ngoại ngữ trong toàn hệ thống giáo dục. Để hình thành đội ngũ giáo viên đạt chuẩn

cao, cần áp dụng đồng bộ các giải pháp chiến lược. Trước hết, chương trình đào tạo giáo viên phải được xây dựng bài bản, gắn với khung năng lực ngoại ngữ quốc gia và kết hợp hài hòa giữa lý thuyết, thực hành. Giáo viên cần nắm vững phương pháp giảng dạy hiện đại, lấy người học làm trung tâm, phát triển kỹ năng giao tiếp và ứng dụng ngôn ngữ thực tiễn. Tiếp theo, bồi dưỡng chuyên môn cần diễn ra thường xuyên, đặc biệt thông qua hợp tác quốc tế với các trường đại học uy tín, nhằm cập nhật phương pháp giảng dạy tiên tiến và nâng cao hiểu biết về văn hóa. Điều này giúp củng cố chuyên môn và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy học. Cuối cùng, cần có chính sách đãi ngộ hợp lý, hỗ trợ tài chính, phúc lợi và cơ hội thăng tiến, tạo động lực để giáo viên gắn bó lâu dài, nhất là tại các khu vực khó khăn. Những giải pháp này là nền tảng cho giáo dục ngoại ngữ phát triển bền vững [20].

5.2. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong giáo dục ngoại ngữ

Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) giữ vai trò trọng yếu trong đổi mới phương pháp giảng dạy ngoại ngữ, mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho cả giáo viên và người học. Việc tích hợp các nền tảng học trực tuyến như DyNED, MyTimesEnglish và các sản phẩm công nghệ nội địa vào chương trình giảng dạy hỗ trợ quá trình tự học linh hoạt, đồng thời giúp giáo viên thiết kế bài giảng hấp dẫn, tăng tính tương tác. Những công cụ này cho phép người học tiếp cận tài liệu mọi lúc, mọi nơi, phù hợp với nhu cầu cá nhân. Đặc biệt, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) được coi là bước tiến đột phá, khi AI có khả năng cá nhân hóa quá trình học, phân tích năng lực và tiến độ của từng người [20], từ đó đưa ra các bài tập, nội dung luyện tập phù hợp, nâng cao kỹ năng toàn diện. Ví dụ, công nghệ AI có thể hỗ trợ luyện phát âm, chỉnh sửa giọng nói hoặc tạo tình huống giao tiếp mô phỏng. Để ICT phát huy hiệu quả tối đa, cần đầu tư đồng bộ vào hạ tầng kỹ thuật, mạng internet tốc độ cao, trang thiết bị hiện đại và xây dựng hệ thống quản lý học tập (LMS) hoàn chỉnh, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục ngoại ngữ.

5.3. Hợp tác quốc tế trong giáo dục ngoại ngữ

Hợp tác quốc tế giữ vai trò thiết yếu trong việc nâng cao chất lượng giáo dục ngoại ngữ ở Việt Nam, tạo điều kiện tiếp cận các phương pháp giảng dạy tiên tiến và lĩnh hội kinh nghiệm từ các nền giáo dục phát triển. Việt Nam cần tiếp tục mở rộng và ký kết các thỏa thuận với các tổ chức uy tín như Hội đồng Anh, KOICA, JICA, TICA, CREFAP, OIF và AUF. Các thỏa thuận này không chỉ tạo cơ hội trao đổi chuyên môn mà còn hỗ trợ triển khai các chương trình giáo dục hiệu quả, phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Bên cạnh đó, các chương trình trao đổi giảng viên và sinh viên quốc tế góp phần nâng cao năng lực giảng dạy và học tập. Giảng viên được cập nhật phương pháp giảng dạy hiện đại, còn sinh viên có cơ hội rèn luyện ngoại ngữ, phát triển kỹ năng mềm và tư duy toàn cầu qua trải nghiệm thực tế. Đặc biệt, hợp tác quốc tế khuyến khích xây dựng các chương trình đào tạo song ngữ, tích hợp ngoại ngữ với các môn như toán, khoa học, lịch sử, giúp học sinh phát triển kỹ năng ngôn ngữ gắn với tình huống thực tiễn. Những nỗ lực này góp phần khẳng định vị thế Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục toàn cầu [20].

Ba giải pháp nêu trên cần được thực hiện đồng bộ, gắn liền với chiến lược phát triển giáo dục quốc gia. Từ nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, ứng dụng công nghệ tiên tiến, đến mở rộng hợp tác quốc tế, tất cả đều nhằm tăng cường năng lực ngoại ngữ cho người Việt, tạo động lực phát triển toàn diện trong kỷ nguyên hội nhập. Thành công của những giải pháp này không chỉ đòi hỏi quyết tâm chính trị mà còn cần sự chung tay của toàn xã hội, đặc biệt là doanh nghiệp, cơ sở giáo dục và sự nỗ lực của mỗi người học.

6. Kết luận

Ngoại ngữ được coi là nền tảng cốt lõi trong tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế của Việt Nam, không chỉ đơn thuần là công cụ giao tiếp mà còn là phương tiện chuyển giao tri thức, tiếp cận công nghệ tiên tiến và khẳng định vị thế quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng. Nếu được đầu tư đúng hướng, giáo dục ngoại ngữ sẽ trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và mở rộng giao lưu văn hóa. Trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, khi ngoại ngữ toàn cầu ngày càng chi phối các lĩnh vực công nghệ, kinh doanh và nghiên cứu, việc phát triển năng lực ngoại ngữ trở thành yêu cầu tất yếu [1]. Để hiện thực hóa mục tiêu này, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước, các cơ sở giáo dục và toàn xã hội; đồng thời, chính sách giáo dục ngoại ngữ phải đổi mới, ứng dụng công nghệ hiện đại và mở rộng hợp tác quốc tế. Các chương trình đào tạo cần gắn với thực tiễn, khơi dậy động lực tự học và khả năng áp dụng ngôn ngữ vào đời sống [22], công việc và nghiên cứu. Ngoại ngữ chính là chiếc chìa khóa để Việt Nam vững bước hội nhập toàn diện và phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] OECD, *Education at a Glance 2022: OECD Indicators*. Paris: OECD Publishing, 2022.
- [2] UNESCO, *Global Education Monitoring Report 2016: Education for People and Planet*. Paris: UNESCO, 2016.
- [3] UNESCO, *Education for Sustainable Development Goals: Learning Objectives*. Paris: UNESCO, 2023.
- [4] T. V. Le and T. M. Le, "Foreign language education policy in Vietnam: Achievements and challenges", *Vietnam Journal of Education*, 2024.
- [5] T. M. Duong and T. V. Nguyen, "Learner autonomy readiness among EFL learners in Vietnam", *VNU Journal of Science: Education Research*, vol. 39, no. 4, pp. 70–77, 2023, doi: 10.25073/2588-1159/vnuer.4727.
- [6] N. T. Huynh, "Exploring language learning motivation and strategies in Vietnamese high school students: A case study in Ho Chi Minh City", *EIKI Journal of Effective Teaching Methods*, vol. 2, no. 1, 2024, doi: 10.59652/jetm.v2i1.160.
- [7] D. P. K. Ho and T. T. N. Truong, "Exploring Vietnamese non-English-majored freshmen's English-speaking anxiety at a public university in Vietnam", *VNU Journal of Foreign Studies*, vol. 38, no. 5, pp. 105–125, 2022, doi: 10.25073/2525-2445/vnufs.4789.
- [8] T. V. Le, M. T. Mai, T. L. N. Tran, and L. T. Nguyen, "Teacher perspectives about English language teaching reforms in Vietnamese high schools", *HCMC Open University Journal of Science – Social Sciences*, vol. 14, no. 4, pp. 3–18, 2024, doi: 10.46223/HCMCOUJS.soci.en.14.4.2781.2024.
- [9] T. N. Tran, T. T. Nguyen, and H. P. Tran, "An investigation into factors affecting the use of English prepositions by Vietnamese learners of English", *International Journal of Higher Education*, vol. 10, no. 1, pp. 24–35, 2021, doi: 10.5430/ijhe.v10n1p24.
- [10] T. Lam, "Vietnam entering a new era of national rise", *Government Portal*, 2024. [Online]. Available: <https://baohinhphu.vn/viet-nam-se-tien-vao-ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-102240829211957644.htm>. [Accessed: Jun. 10, 2025].
- [11] Government of Vietnam, "Decision No. 1400/QĐ-TTg: National Foreign Language Project 2008–2020", *vanban.chinhphu.vn*, 2008. [Online]. Available: <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?docid=78437&pageid=27160>. [Accessed: Jun. 10, 2025].
- [12] Government of Vietnam, "Decision No. 2080/QĐ-TTg: Adjustment of the National Foreign Language Project 2017–2025", *thuvienphapluat.vn*, 2017. [Online]. Available: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quyết-dinh-2080-QĐ-TTg-2017-bo-sung-De-an-day-hoc-ngoai-ngu-trong-he-thong-giao-duc-quoc-dan-370658.aspx>. [Accessed: Jun. 10, 2025].
- [13] Ministry of Education and Training, "Annual report on teaching and learning foreign languages in Vietnam", *moet.gov.vn*, 2023. [Online]. Available: <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=8973>. [Accessed: Jun. 10, 2025].
- [14] Politburo, "Conclusion No. 91-KL/TW on comprehensive renovation of education and training", *xaydungchinh sach.chinhphu.vn*, 2024. [Online]. Available: <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/toan-van-ket-luan-cua-bo-chinh-tri-ve-thuc-hien-doi-moi-can-ban-toan-dien-giao-duc-va-dao-tao-119240815133542026.htm>. [Accessed: Jun. 10, 2025].
- [15] Ministry of Foreign Affairs, *Annual Diplomatic Report*, Hanoi: MOFA, 2022.
- [16] T. Lam, "Some fundamental issues on the new era of Vietnam's strategic development", *www.tapchiconsan.org.vn*, 2024. [Online]. Available: https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8h4p4dK31Gf/content/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie. [Accessed: Jun. 10, 2025].
- [17] McKinsey & Company, *The Future of Work after COVID-19*, New York: McKinsey Global Institute, 2021.
- [18] EF Education First, EF English Proficiency Index 2024. *www.ef.com*, [Online]. Available: <https://www.ef.com/wwen/epi/>. [Accessed: Jun. 10, 2025].
- [19] World Economic Forum, *Future of Jobs Report 2023*. Geneva: WEF, 2023.
- [20] British Council, *Teaching English in Vietnam: Challenges and Recommendations*, London: British Council, 2021.
- [21] UNESCO, *The Role of Artificial Intelligence in Education*. Paris: UNESCO, 2022.
- [22] Council of Europe, *Common European Framework of Reference for Languages: Learning, Teaching, Assessment – Companion Volume*. Strasbourg: Council of Europe, 2020.